|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM** | **KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN****NĂM HỌC 2019 - 2020** |
|

|  |
| --- |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** |

(*Đề có 01 trang*) | Môn thi: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **150 phút** (*không kể thời gian giao đề*)Khóa thi ngày: **10-12/6/2019** |

 **Câu 1. *(2,0 điểm)***

 a. Dựa vào biểu đồ dưới đây, nêu nhận xét về tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng nước ta trong năm 2016.

 b. Qua biểu đồ và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích về tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở khu vực miền núi và đồng bằng của nước ta.

**Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)**

**Biểu đồ biểu thị tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng và cả nước năm 2016**

**Các vùng**

**Cả nước**



**Câu 2. *(2,0 điểm)*** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

 a. Kể tên các trung tâm du lịch quốc gia của nước ta.

 b. Nhận xét cán cân xuất nhập khẩu và nêu cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta năm 2007.

Vì sao công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta?

**Câu 3. *(1,5 điểm)***

a.Dựa trên các điều kiện thuận lợi nào để Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước?

b. Ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp và có ý nghĩa quan trọng nhất, thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long? Vì sao?

**Câu 4. *(1,5 điểm)*** Nêu các biểu hiện về thực trạng giảm sút tài nguyên ở môi trường biển đảo của nước ta. Những nguyên nhân nào gây nên thực trạng đó?

**Câu 5. *(3,0 điểm)*** Cho bảng số liệu: **SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA** *(Đơn vị: nghìn tấn*)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2007** | **2011** | **2013** | **2015** |
|  **Sản lượng thủy sản khai thác** **Sản lượng thủy sản nuôi trồng**  | 1.987,91.487,0 | 2.074,52.123,3 | 2.350,02.970,0 | 2.803,83.215,9 | 3.058,73.491,0 |

 *(Nguồn: Tổng cục thống kê 2016)*

a. Tính tỉ trọng sản lượng thủy sản các loại trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước qua các năm.

b. Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2005 đến năm 2015.

c. Nhận xét và giải thích về sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta ở giai đoạn trên.

--------------- **HẾT** ---------------

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*

*Họ và tên thí sinh*: .................................................................. *Số báo danh*: ...........................

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM** | **KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN****NĂM HỌC 2019 - 2020** |
|

|  |
| --- |
| **HDC CHÍNH THỨC** |

(HDC *có 03 trang*) | Môn thi: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **150 phút** (*không kể thời gian giao đề*)Khóa thi ngày: **10-12/6/2019** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu/ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | a | **Nhận xét tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng** | ***1.0*** |
| - Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng khác nhau:+ Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở vùng Tây Nguyên cao nhất (1,4%) sau đó đến Trung du và miền núi Bắc Bộ (1,3%).+ Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thấp nhất (0,6%) sau đó đến Đông Nam Bộ (0,8%).- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung bộ và duyên hải Nam Trung Bộ cao hơn cả nước còn Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ thấp hơn cả nước.***(Nếu không có dẫn chứng thì được ½ số điểm)*** | 0.250.250.250.25 |
| b | **Nhận xét và giải thích về tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giữa khu vực miền núi với đồng bằng:** | ***1.0*** |
| - Nhận xét: Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở khu vực miền núi cao hơn ở khu vực đồng bằng. *(Ví dụ Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ cao hơn đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long)****(Nếu không có dẫn chứng thì được ½ số điểm)***- Giải thích: + Dân cư ở đồng bằng có ý thức cao về dân số, kế hoạch hóa gia đình…+ Trình độ dân trí, kinh tế xã hội ở đồng bằng cao hơn miền núi…***(Nếu thí sinh giải thích ngược lại thì vẫn cho điểm tối đa)*** | 0.50.250.25 |
| **2** | a | **Các trung tâm du lịch cấp quốc gia của nước ta:** | ***1.0*** |
| - Hà Nội. - Huế.- Đà Nẵng.- TP Hồ Chí Minh. | 0.250.250.250.25 |
| b | **Cán cân và cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu:**  | ***0.5*** |
| - Cán cân xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu nhỏ hơn nhập khẩu: Nhập siêu (-)- Cơ cấu hàng xuất khẩu: sản phẩm công nghiệp nặng, nhẹ, tiểu thủ công, nông-lâm-thủy sản còn hàng nhập khẩu: sản phẩm máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên nhiên vật liệu, tiêu dùng. | 0.250.25 |
| **Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực vì:** | ***0.5*** |
| - Có nguồn lao động dồi dào, khéo tay, nhiều kinh nghiệm nên tạo ra các sản phẩm có giá trị xuất khẩu.- Nguồn nguyên liệu phong phú, chính sách đầu tư, thu hút vốn nước ngoài… | 0.250.25 |
| **3** |  | **Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước dựa vào các điều kiện thuận lợi:** | ***1.0*** |
| - Diện tích tự nhiên gần 4 triệu ha, nhìn chung đất khá màu mỡ, nhất là dải đất phù sa ngọt dọc theo sông Tiền và sông Hậu, thích hợp cho việc trồng lúa với quy mô lớn.- Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, thời tiết ít biến động, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ lúa.- Nguồn lao động đông, có truyền thống, nhạy bén trong việc tiếp thu kĩ thuật và công nghệ mới về trồng lúa.- Được Nhà nước chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật (thủy lợi, trạm, trại giống …), nhu cầu lớn của thị trường trong nước và xuất khẩu. | 0.250.250.250.25 |
|  |  | **Ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao và quan trọng...? Vì sao?** | ***0.5*** |
| - Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm- Nguyên nhân: Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú từ ngành trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt nuôi trồng thủy sản cung cấp | 0.250.25 |
| **4** |  | **Thực trạng giảm sút tài nguyên ở môi trường biển đảo của nước ta:**  | ***1.0*** |
| - Rừng ngập mặn giảm nhanh.- Nguồn lợi hải sản giảm: Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng, giảm mức độ tập trung, kích thước nhỏ… | 0.250.75 |
| **Nguyên nhân**: | ***0.5*** |
| - Môi trường sống bị ảnh hưởng: ô nhiễm và càng ngày bị thu hẹp, …- Do khai thác quá mức, không hợp lí… | 0.250.25 |
| **5** | a | **Tỉ trọng sản lượng thủy sản của nước ta qua các năm. *(%)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | **2005** | **2007** | **2011** | **2013** | **2015** |
| Khai thác  | 57,2 | 49,4 | 44,2 | 46,6 | 46,7 |
| Nuôi trồng | 42,8 | 50,6 | 55,8 | 53,4 | 53,3 |

 | ***0,5*** |
| b | **Biểu đồ:**  | ***1.0*** |
| - Vẽ biểu đồ miền, các loại biểu đồ khác không cho điểm.- Vẽ đúng, đẹp, đầy đủ: chú thích, tên biểu đồ, khoảng cách năm (thiếu hoặc sai thì trừ mỗi ý 0,25).  |  |
| c | **Nhận xét:**  | ***1,0*** |
| - Tỉ trọng sản lượng thuỷ sản khai thác nhìn chung giảm (10,5%) nhưng không ổn định.+ Giai đoạn 2005-2011 giảm nhanh (13%) sau đó tăng nhẹ đến năm 2015 (2,5%).- Tỉ trọng sản lượng thuỷ sản nuôi trồng nhìn chung tăng (10,5%) và không ổn định.+ Giai đoạn 2005-2011 tăng nhanh (13%) sau đó tăng nhẹ đến năm 2015 (2,5%). | 0,250,250,250,25 |
| **Giải thích về tỉ trọng sản lượng nuôi trồng tăng còn khai thác giảm:** | ***0.5*** |
| + Nuôi trồng đem lại hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu thị trường…+ Nuôi trồng chủ động hơn, có nhiều điều kiện để phát triển… | 0,250,25 |

*\* Lưu ý: Thí sinh có thể làm bài theo các cách khác nhau nhưng có ý đúng thì chấm theo điểm tối đa của mỗi ý.*